

Số: 2045/UBND –LĐTBXH  
V/v thực hiện công tác  
người cao tuổi năm 2018.

Bỉm Sơn, ngày 01 tháng 10 năm 2018

Kính gửi: Chủ tịch UBND các xã, phường.

Thực hiện Công văn số 585/SLĐTBXH- BTXH ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Sở Lao động- TBXH tỉnh Thanh Hóa về việc hướng dẫn triển khai công tác người cao tuổi năm 2018.

Để chuẩn bị cho công tác chúc thọ, mừng thọ nhân dịp Tết Nguyên Đán Kỷ Hợi năm 2019. UBND Thị xã Bỉm Sơn đề nghị Chủ tịch UBND các xã, phường trên địa bàn phối hợp với Hội người Cao tuổi và các đơn vị có liên quan thực hiện các nội dung sau:

1. Tổ chức rà soát người cao tuổi thực hiện chúc thọ, mừng thọ theo Quyết định 3726/QĐ-UBND ngày 30/11/2011 của Chủ tịch UBND Tỉnh:

- Lập danh sách người cao tuổi tròn 100 tuổi (sinh năm 1919) thuộc diện chúc thọ và tặng quà của Chủ tịch nước (theo phụ lục 01).

- Lập danh sách người cao tuổi tròn 90 tuổi (sinh năm 1929) thuộc diện chúc thọ và tặng quà của Chủ tịch tỉnh (theo phụ lục 02).

- Tổng hợp số liệu người cao tuổi thuộc diện chúc thọ, tặng quà trên địa bàn theo độ tuổi: 70, 75, 80, 85, 95 và trên 100 tuổi (theo phụ lục 03).

Lưu ý: - Đối với những người cao tuổi chuyển ở đến cùng con cháu trên địa bàn Thị xã, nhưng không chuyển hộ khẩu, muốn được lập danh sách đề nghị chúc thọ và tặng quà tại địa bàn thì phải có xác nhận chưa lập danh sách của UBND xã, phường nơi đăng ký hộ khẩu thường trú.

- Phô tô, công chứng Hộ khẩu hoặc Chứng minh thư nhân dân đối với người cao tuổi đề nghị chúc thọ và tặng quà.

2. Tổ chức rà soát, tổng hợp số liệu về người cao tuổi năm 2018 (có mẫu biểu kèm theo).

Đề nghị Chủ tịch UBND các xã, phường quan tâm chỉ đạo thực hiện các nội dung trên. Báo cáo kết quả rà soát gửi về UBND Thị xã Bỉm Sơn (qua phòng Lao động- TBXH) trước ngày 25/10/2018 để tổng hợp báo cáo Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh Thanh Hóa./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VP, LĐTBXH;

KI CHỨC TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Mai Đình Lâm

ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ, PHƯỜNG.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

**DANH SÁCH NGƯỜI CAO TUỔI THỌ 100 TUỔI**  
**ĐỀ NGHỊ CHỦ TỊCH NƯỚC CHÚC THỌ VÀ TẶNG QUÀ NHÂN DỊP TẾT KYR HỘI (2019)**  
(Kèm theo Công văn số 2045/CV-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Chủ tịch UBND thị xã Bỉm Sơn)

TT	Họ và tên	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ thường trú (Ghi rõ số nhà, phố, xóm)	Ghi chú
			Nam	Nữ		

Người lập danh sách

Đại diện Hội Người cao tuổi

....., ngày.....tháng .....năm 2018

TM. UBND.....

**CHỦ TỊCH**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ, PHƯỜNG.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

**ĐƠN HỢP NGƯỜI CAO TUỔI THEO ĐỘ TUỔI  
 ĐỀ NGHỊ CHỨC THỌ VÀ TẶNG QUÀ NHÂN DỊP TẾT KỶ HỢI (2018)**

(Kèm theo Công văn số: 2045/CV-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Chủ tịch UBND thị xã Bim Sơn)



TT	Xã, phường.....	Số lượng người cao tuổi ở các độ tuổi								Ghi chú	
		70	75	80	85	90	95	100	Trên 100		Tổng số
1	Thôn, khu phố.....										
2	Thôn, khu phố.....										
3	Thôn, khu phố.....										
4	Thôn, khu phố.....										
5	Thôn, khu phố.....										
6	Thôn, khu phố.....										
...											
	<b>Tổng cộng</b>										

Người lập danh sách

Đại diện Hội Người cao tuổi

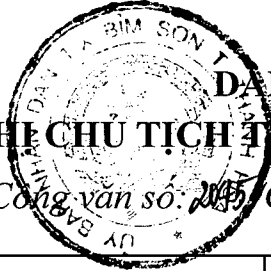
....., ngày.....tháng ... năm 2018

TM. UBND.....

**CHỦ TỊCH**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
 XÃ, PHƯỜNG.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc



**DANH SÁCH NGƯỜI CAO TUỔI THỌ 90 TUỔI**  
**ĐỀ NGHỊ CHỦ TỊCH HỘI CHỨC THỌ VÀ TẶNG QUÀ NHÂN DỊP TẾT KỶ HỢI (2019)**  
 (Kèm theo Công văn số: 205/CV-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Chủ tịch UBND thị xã Bim Sơn)

TT	Họ và tên	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ thường trú ( Ghi rõ số nhà, phố, xóm)	Ghi chú
			Nam	Nữ		

Người lập danh sách

Đại diện Hội Người cao tuổi

....., ngày.....tháng..... năm 2018

TM. UBND.....

**CHỦ TỊCH**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**XÃ, PHƯỜNG.....**



**SỐ LIỆU NGƯỜI CAO TUỔI NĂM 2018**  
(Kèm theo Công văn số: ~~1095~~ UBND- LĐTBXH ngày 01 tháng 10 năm 2018  
của Chủ tịch UBND thị xã Bim Sơn)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số liệu		
			Nam	Nữ	Tổng
<b>I</b>	<b>THÔNG TIN CHUNG</b>	Người			
1,1	Tổng dân số trung bình	Hộ			
1,2	Tổng số hộ dân	Hộ	X	X	
1,3	Số hộ có người cao tuổi (có từ 01 NCT trở lên)	Hộ	X	X	
	Trong đó số hộ hiện chỉ có NCT ( sống một mình hoặc chỉ có NCT sống với nhau)	Người	X	X	
1,4	Tổng số NCT ( từ 60 tuổi trở lên)	Người			
1,5	Trong đó số người từ đủ 80 tuổi trở lên	Người			
1,6	Số NCT thuộc hộ nghèo	Người			
1,7	Số NCT thuộc hộ cận nghèo	Người			
1,8	Số NCT là dân tộc thiểu số	Người			
1,9	Số NCT là người khuyết tật (có chứng nhận của cấp có thẩm quyền)	Người			

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số liệu		
<b>II</b>	<b>CHĂM SÓC SỨC KHỎE</b>				
2,1	Số NCT có thẻ bảo hiểm y tế (BHYT)	Người			
2.1.1	Trong đó: + BHYT được cấp	Người			
2.1.2	+ BHYT tự nguyện (tự mua hoặc hỗ trợ mua)	Người			
2,2	Số nhân viên y tế được đào tạo về lão khoa	Người			
2,3	Số NCT được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 01 lần/năm (theo quy định tại Thông tư 35/2011/TT-BYT)	Người			
2,4	Số NCT được lập hồ sơ theo dõi sức khỏe ( theo quy định tại Thông tư 35/2011/TT-BYT)	Người			
2,5	Số NCT được phổ biến kiến thức về chăm sóc và tự chăm sóc sức khỏe ( theo quy định tại Thông tư 35/2011/TT-BYT)	Người			
2,6	Tổng kinh phí thực hiện chăm sóc sức khỏe cho NCT tại cộng đồng ( theo quy định tại Thông tư 35/2011/TT-BYT và thông tư 21/2011/TT-BTC)	Nghìn đồng			
<b>III</b>	<b>CHĂM SÓC VẬT CHẤT, BHXH VÀ HỖ TRỢ NCT</b>				
3,1	Số NCT đang hưởng trợ cấp Người có công với CM	Người			
3,2	Số NCT đang hưởng lương hưu	Người			



3,3	Số NCT đang hưởng trợ cấp BHXH hàng tháng	Người			
3,4	Số NCT hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo Luật NCT	Người			
3.4.1	NCT từ 60 đến 80 tuổi thuộc hộ nghèo, không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng chế độ trợ cấp XH hàng tháng	Người			
3.4.2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng, trợ cấp XH hàng tháng	Người			
3,5	Số NCT đủ điều kiện tiếp nhận vào cơ sở BTXH	Người			
3.5.1	Trong đó, số NCT được nhận chăm sóc tại cộng đồng	Người			
3,6	Số NCT hưởng trợ cấp hàng tháng theo Luật người khuyết tật	Người			
3,7	Số cơ sở BTXH công lập có nuôi dưỡng NCT	Cơ sở			
<b>3,8</b>	Số NCT đang được nuôi dưỡng trong cơ sở BTXH công lập	Người			
3,9	Số cơ sở nuôi dưỡng NCT dân lập	Cơ sở			
3,1	Số NCT đang được nuôi dưỡng trong cơ sở BTXH dân lập	Người			
3,11	Số NCT đang phải sống trong nhà tạm, dột nát	Người			
<b>IV</b>	<b>CHĂM SÓC TINH THẦN ĐỐI VỚI NCT</b>				
4,1	Tổng số CLB các loại của NCT (được cấp có thẩm quyền cho phép thành lập)	CLB			
4,2	Số NCT tham gia CLB	Người			
4,3	Số xã/phường/TT có CLB Liên thể hệ Tự giúp nhau hoặc các mô hình CLB tương trợ (vừa chăm sóc vừa phát huy, nhiều mảng hoạt động)	xã/phường/TT			
4,4	Số NCT được chúc thọ, mừng thọ theo quy định	Người			
4,5	Số lượt NCT được thăm hỏi, tặng quà (dịp lễ, tết hoặc khi ốm đau,...)	Lượt người			
4,6	Số vụ vi phạm các hành vi bị cấm trong lĩnh vực NCT	Vụ			
4,7	Số vụ vi phạm đã được xử lý	Vụ			
<b>V</b>	<b>PHÁT HUY VAI TRÒ NCT</b>				
5,1	Số NCT tham gia hoạt động kinh tế, tạo thu nhập	Người			
5,2	Số NCT được hỗ trợ trong hoạt động kinh tế	Người			
5.2.1	Trong đó: + Số NCT được hỗ trợ vay vốn sản xuất	Người			
5.2.2	+ Số Nct được hỗ trợ hướng dẫn cách làm ăn, phương tiện sản xuất, tiêu thụ sản phẩm...	Người			
5,3	Số NCT là chủ trang trại, cơ sở sản xuất kinh doanh, chủ hộ kinh doanh cá thể tại địa phương( có đăng ký kinh doanh, có giấy phép)	Người			
5,4	Số NCT tham gia công tác xã hội (công tác Đảng, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể,các tổ hòa giải, an ninh, xây dựng nông thôn mới....	Người			
<b>VI</b>	<b>CÁC LOẠI QUỸ ĐỐI VỚI NCT</b>				
6,1	Tổng số tiền huy động trong năm của Quỹ Hội của NCT ( do NCT đóng góp)	Ngìn đồng			

6,2	Số xã/phường/thị trấn có Quỹ chăm sóc và phát huy vai trò NCT( Quỹ CSPHVTNCT)	xã/phường/thị trấn			
6,3	Số tiền Quỹ CSPHVTNCT được huy động trong năm	Tỷ đồng			
6,4	Số tiền Quỹ CSPHVTNCT đã chi trong năm	Nghìn đồng			
6,5	Số tiền Quỹ CSPHVTNCT dư cuối kỳ	Nghìn đồng			
<b>VII</b>	<b>HỘI NGƯỜI CAO TUỔI</b>				
7,1	Số huyện/thị xã /thành phố thuộc tỉnh thành lập Hội NCT	Huyện			
7,2	Số huyện/thị xã /thành phố thuộc tỉnh thành lập Ban đại diện Hội NCT	Huyện			
7,3	Số xã/phường/TT thành lập Hội NCT	xã/phường/TT			
7,4	Tổng số hội viên	Người			
7,5	Trong đó hội viên từ 60 tuổi trở lên	Người			
<b>VIII</b>	<b>NỘI DUNG KHÁC</b>				
8,1	Số lớp tập huấn về công tác NCT	Lớp			
8,2	Số cán bộ được tập huấn về công tác NCT trong năm	Người			